

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2022/HN-ST
Ngày: 26/01/2022
V/v “*yêu cầu ly hôn, nuôi con chung*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Vũ.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Công Trung.

2. Bà Võ Thị Hiền.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Đặng Hoàng Long – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm – kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 366/2021/TLST-HNGĐ ngày 03/11/2021 về việc “*Yêu cầu ly hôn, nuôi con chung*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 109/2021/QĐXX-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 03/2022/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Huỳnh Thị Kim T, sinh năm 1988 (có mặt)

Địa chỉ: ấp A1, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:* Anh Hồ Thanh T1 (C), sinh năm 1982 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp A1, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/10/2021, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, chị Huỳnh Thị Kim T trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh Hồ Thanh T1 cưới nhau năm 2005, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A (huyện B, tỉnh Bến Tre) vào ngày 08/6/2007, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị sống hạnh phúc đến năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh T1 không còn lo cho gia đình. Sau khi xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng chị cũng có ngồi lại để giải quyết mâu thuẫn, nhưng vẫn không kết quả nên đã sống ly thân từ năm 2019

đến nay. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng chị cũng không có tới lui để tạo cơ hội hàn gắn. Nay chị không còn tình cảm với anh T1 và nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn với anh Hồ Thanh T1.

Về con chung: Chị và anh T1 có 01 con chung tên là Hồ Huỳnh Phương V, sinh ngày 23/8/2007 hiện đang sống với chị. Nay ly hôn, chị yêu cầu trực tiếp nuôi cháu V và tự nguyện không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

** Trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa, anh T1 đều vắng mặt không gửi văn bản thể hiện ý kiến xin hàn gắn.*

** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:*

- Về thủ tục tố tụng: Xét thấy trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Thành viên Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư, khách quan, độc lập khi xét xử. Nguyên đơn chấp hành nghiêm túc quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, vụ án đưa ra xét xử đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Áp dụng các Điều 9, 51, 56, 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử: Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Huỳnh Thị Kim T đối với anh Hồ Thanh T1. Về con chung: để cháu Hồ Huỳnh Phương V, sinh ngày 23/8/2007 cho chị T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng và ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Hồ Thanh T1 đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, căn cứ vào các 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh T1.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Huỳnh Thị Kim T và anh Hồ Thanh T1 là hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị T và anh T1 sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh T1 không còn lo cho gia đình. Khi xảy ra mâu thuẫn, anh chị cũng đã ngồi lại để giải quyết mâu thuẫn nhiều lần nhưng vẫn không kết quả nên anh chị đã sống ly

thân từ năm 2019 đến nay. Trong thời gian sống ly thân, anh chị cũng không có tới lui để tạo cơ hội hàn gắn. Mặt khác, trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, chị T vẫn xác định tình cảm vợ chồng không còn với anh T1 và vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn. Anh T1 biết việc chị T xin ly hôn với anh nhưng anh vẫn không đến Tòa án để thể hiện ý kiến xin hàn gắn. Qua đó, xét thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh T1 là trầm trọng, không có khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị T với anh T1 là có căn cứ phù hợp với quy định tại các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Cháu Hồ Huỳnh Phương V, sinh ngày 23/8/2007; Hội đồng xét xử xét thấy từ khi chị T và anh T1 sống ly thân, cháu V vẫn do chị T nuôi dưỡng. Đồng thời, tại biên bản lấy ý kiến ngày 24/11/2021 của Tòa án, cháu V cũng có nguyện vọng sống với mẹ nên yêu cầu nuôi cháu V của chị T là có căn cứ phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 Luật hôn nhân gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Ghi nhận chị T tự nguyện không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Không có.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), chị Huỳnh Thị Kim T có nghĩa vụ nộp theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Huỳnh Thị Kim T đối với anh Hồ Thanh T1.

2. Về con chung: Chị Huỳnh Thị Kim T có quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hồ Huỳnh Phương V, sinh ngày 23/8/2007 (tại biên bản lấy ý kiến ngày 24/11/2021 của Tòa án, cháu V có nguyện vọng sống với mẹ). Ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

Anh Hồ Thanh T1 có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung sau này, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), chị Huỳnh Thị Kim T có nghĩa vụ phải nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003161 ngày 02/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bến Tre. Án phí, chị T đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho chị Huỳnh Thị Kim T biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Riêng anh Hồ Thanh T1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã A;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Chí Vũ